

Bản án số: **115** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hải Hương.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Hoàng Tâm - Cán bộ hưu  
2. Bà Nguyễn Thị Phú - Cán bộ hưu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khắc B, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh B.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh B.

Hiện nay chị H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Khắc B trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2018 tại UBND xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ

chồng anh chung sống với nhau được 15 ngày thì chị H đi lao động tại nước ngoài, trong thời gian đầu chị H đi nước ngoài vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc điện thoại với nhau, đến năm 2019 thì chị H gọi điện thoại về thông báo cho anh biết chị H sẽ không về sống cùng với anh nữa, từ đó vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc. Hiện nay chị H đang đi lao động tại Ma Cao, tuy nhiên anh không còn liên lạc với chị H, gia đình chị H cũng không biết địa chỉ nên anh không biết địa chỉ cụ thể của chị H để cung cấp cho Tòa án. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung.

Về công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng anh không có.

*Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H:*

Chị H đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối , đến nay Tòa án không nhận được thông tin gì của chị H

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua anh trai của chị H là anh Nguyễn Đức Toàn, sinh năm 1969, địa chỉ thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh Toàn thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khắc B; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai gửi về cho Tòa án; yêu cầu anh Toàn cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua quá trình làm việc anh Toàn cho biết: Chị H đi lao động tại nước ngoài từ năm 2020, chị H vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội, anh Toàn đã thông báo cho chị H biết việc anh B làm đơn ly hôn theo nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đề nghị chị H cung cấp địa chỉ nhưng chị H không cung cấp. Các ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh B, chị H không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh B xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử vào nghị án.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 238, Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX xử: Cho anh Nguyễn Khắc B được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh Nguyễn Khắc B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Khắc B là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H. Bị đơn chị H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Quỳnh Độ, xã bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh B nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 12401/QLXNC-P5 ngày 16/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 09/2/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị H. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết công khai, thông báo các văn bản tố tụng cho chị H theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật

Tổ tụng dân sự, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh B theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Khắc B và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 20/9/2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh B. Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến ngày 03/10/2018 chị H đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau đến năm 2019 thì chấm dứt mọi liên lạc do chị H gọi điện về thông báo cho anh B biết chị H không về chung sống cùng với anh B nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị H và anh B đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Xét thấy tình cảm giữa anh B và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khắc B xử cho anh Nguyễn Khắc B được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Anh B và chị H không có con chung nên không xem xét

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Khắc B xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không đề nghị nên không xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Khắc B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố

tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Khắc B được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Khắc B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh B đã nộp tại B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000068 ngày 08/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh B đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Khắc B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hải Hương**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Chuyên   Ngô Văn Bê**

**Trần Thị Hà**



